TOÀ ÁN ND HUYỆN YÊN THẾ **TỈNH BẮC GIANG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 12/2020/DS -ST

Ngày: 29/6/2020

V/v Kiện đòi tài sản

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN YÊN THẾ – TỈNH BẮC GIANG

***- Với thành phần HĐXX sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Phạm Hữu Luyện

Các hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lục Viết Sang

2. Ông Nguyễn Văn Chiến

***- Thư ký phiên toà*:** Bà Lương Thị Hoa Thư ký Tòa án nhân dân huyện Yên Thế, tỉnh Bắc Giang.

***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Thế, tỉnh Bắc Giang tham gia phiên tòa*:** Bà Nguyễn Thị Nghĩa - Kiểm sát viên

Ngày 29 tháng 6 năm 2020 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Yên Thế, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 130/2019/TLST-DS ngày 29/10/2019 về việc "*Kiện đòi tài sản*". Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 22/2020/QĐST-DS ngày 12/6/2020 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Anh Nguyễn Văn T1, sinh năm 1988 (Có mặt)

Địa chỉ: TL, xã T, huyện T, tỉnh B G

Bị đơn: Anh Nguyễn Xuân T, sinh năm 1980 (Có mặt).

Địa chỉ: B, thị trấn P, huyện Y, tỉnh BG.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

1. Chị Nguyễn Thị B, sinh năm 1989 (Có mặt)

Địa chỉ: TL, xã T, huyện T, tỉnh B G.

2. Chị Vương Thị H, sinh năm 1983 (Vắng mặt)

Địa chỉ: B, thị trấn P, huyện Y, tỉnh BG.

3. Anh Bùi Phú S, sinh năm 1971 (Vắng mặt)

Địa chỉ: B, thị trấn P, huyện Y, tỉnh BG.

Người làm chứng:

Anh Lương Văn H, sinh năm 1979 (Vắng mặt)

Địa chỉ: Thôn P, thị trấn P, huyện YT, tỉnh BG

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện và các lời khai tiếp theo nguyên đơn là anh Nguyễn Văn T1 trình bày: Khoảng tháng 9 năm 2019 anh có mua 27 con trâu của anh T2 ở Hải Dương tổng số tiền hơn 700.000.000đ anh và anh S là người đi cùng mua số Trâu này, sau đó có thuê anh T chở 15 con về nhà anh, đến hai hôm sau tiếp tục có thuê anh T chở nốt 12 con do anh không đi được nên có nhờ anh S đi áp tải hàng. Khi anh S xuống nhà anh T2 thì gặp anh Đ và anh N ở Móng Cái, anh Đ và anh N hỏi mua 12 con trâu nên anh S gọi điện cho anh hỏi có bán không, anh đồng ý, anh N bảo là chở trâu ra Móng Cái thì anh N gửi tiền về, anh có gọi cho anh T, anh T bảo là anh T cầm tiền về hộ cho. Anh T và anh H, anh Đ, anh N chở trâu xuống Móng cái.

Khi xuống Móng cái bán 12 con trâu với giá 348.000.000đ anh T cầm tiền về; khi về nhà khoảng hai hôm sau anh có tiếp tục thuê anh T chở Trâu nhưng anh T không đi được nên có nhờ anh H đi, anh T đưa tiền cho anh H, anh H đưa cho ông S, ông S đưa cho anh 224.000.000đ, do còn thấy thiếu 124.000.000đ nên anh gọi cho anh T, anh T bảo 4.000.000đ là tiền cước xe, còn 120.000.000đ anh T vay để đáo hạn Ngân hàng. Anh T có hẹn anh ngày 09/9/2019 trả cho anh nhưng từ đó đến nay anh T không trả. Đến nay anh yêu cầu anh T trả cho anh số tiền là 120.000.000đ.

Tại biên bản lấy lời khai và lời khai tiếp theo bị đơn anh T trình bày: anh không biết anh T1, không quan hệ làm ăn với anh T1, khoảng 3 tháng trước anh Bùi Phú S, sinh năm 1971, Địa chỉ: Phố Bà Ba, thị trấn Cầu Gồ, huyện Yên Thế, tỉnh Bắc Giang, có thuê anh xuống Hải Dương chở 12 con trâu về Cầu Gồ, sau đó khi xuống Hải Dương gặp hai anh ở Móng Cái là anh N và anh Đ hai bên anh S và anh N, anh Đ mặc cả mua 12 con trâu trên thùng xe của anh. Sau khi thỏa thuận xong anh S bán cho anh N, anh Đ. Anh N, anh Đ tiếp tục thuê anh chở trâu đi Móng Cái, sau đó anh đưa anh S về nhà ở Cầu Gồ và đón bạn đi cùng là anh Lương Văn H.

Sau đó anh cùng anh H, anh N, anh Đ đi xuống Móng Cái, khi về đến nhà anh Nam ở Móng Cái, anh N có điện thoại cho anh S là gửi tiền bán trâu số tiền là 348.000.000đ, để anh cầm về đưa cho anh S, anh đã nhận 348.000.000đ. Sau đó khi về đến nhà anh ở thị trấn Cầu Gồ, anh có nhờ anh H trả số tiền là 224.000.000đ cho anh S. Do trước đó anh S có nợ anh là 120.000.000đ và 4.000.000đ tiền cước chở tổng là 124.000.000đ, nên anh trừ vào số tiền của anh Nam trả anh S, số tiền còn lại là 224.000.000đ, anh có gửi anh Lương Văn H cầm trả anh Bùi Phú S. Nay anh T1 khởi kiện yêu cầu anh trả 120.000.000đ anh không đồng ý vì anh không nợ anh T1 số tiền này.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: Anh Bùi Phú S trình bày anh có quan hệ làm ăn với anh T1, anh T do cùng đi mua bán trâu, anh T làm nghề lái xe, anh H làm lái xe cho anh T. Vào khoảng tháng 9 năm 2019 khi đó anh cùng anh T1 đi Hải

Dương mua trâu của anh T2 ở Thanh Miện, tỉnh Hải Dương 27 con trâu với giá 715.000.0000đ, anh có gọi cho anh T chở trâu về nhà anh T1, khi đó anh T1 trả anh T2 415.000.000đ, anh T2 chỉ cho chở 15 con trâu về; hôm sau anh T1 có đưa anh 120.000.000đ để cùng anh T xuống trả tiền nốt và chở trâu về, do anh T1 bận phải ở nhà vay tiền để trả cho anh T2 nên anh có đi cùng anh T xuống khi đến nơi thì có gặp anh Nam ở Móng Cái hỏi mua, anh có gọi cho anh T1 thì anh T1 đồng ý bán cho anh Nam ở Móng Cái 12 con với giá là 348.000.000đ; sau đó anh cùng anh T về Cầu Gồ thì anh về nhà và gọi điện cho anh T1 ra xe đi lấy tiền; khi trên xe về Cầu Gồ anh T1 có gọi cho anh T hai bên nói chuyện là xe đủ chỗ do có có anh Nam và một người đi cùng anh T và thêm một lái xe phụ nên không còn chỗ, anh T có bảo anh T1 cứ ở nhà anh T khác cầm tiền về. Khoảng mấy hôm sau, anh H là lái xe cùng anh T có cầm 224.000.000đ đi cùng anh xuống nhà anh T1 giao tiền cho anh T1. Anh T1 có nhận và đếm tiền ở dưới Hải Dương là 224.000.000đ.

Chị Nguyễn Thị B trình bày: Chị là vợ của anh Nguyễn Văn T1, khoảng tháng 9 năm 2019 chồng chị là anh T1 có mua trâu của anh Bùi Văn Thọ 27 con với số tiền là 715.000.000đ đã chở về trước 15 con sau đó hai hôm sau chở nốt 12 con anh T1 có nhờ ông Sơn áp tải hàng và thuê anh Nguyễn Xuân T lái xe chở Trâu về còn anh T1 ở nhà đi vay tiền để chuyển trả tiền cho anh T2. Trên đường về anh S có gọi cho anh T1 việc có anh N ở Móng cái hỏi mua trâu chồng chị đã đồng ý bán, anh T và anh H lái xe giao trâu cho anh Nam ở Móng cái, anh Nam đã đưa cho anh T số tiền 348.000.000đ anh T đã nhận số tiền trên và gửi qua anh H số tiền 224.000.000đ để đưa cho anh T1, sau khi thấy thiếu anh T1 đã gọi điện hỏi anh T, anh T bảo trừ 4.000.000đ tiền cước xe còn 120.000.000đ anh T vay để lộn sổ ngân hàng. Mấy hôm sau vợ chồng chị lên lấy thì anh T không trả.

Lời khai người làm chứng anh Lương Văn H thể hiện:

Thời gian cách đây khoảng vài tháng anh không nhớ rõ khi đó tôi đang ở nhà anh T có xuống nhà anh đón đi Móng Cái, trên xe có chở trâu và hai anh chủ mua hàng ở Móng Cái là anh N và anh Đ. Sau khi xuống Móng Cái giao hàng xong anh Nam giao cho anh T số tiền 348.000.000đ, anh T đã nhận được số tiền này, anh N có gọi cho anh S là việc đã chuyển cho anh T cầm tiền về.

Sau khi khi về Cầu Gồ, anh S có thuê anh một chuyến nữa nên anh T có nhờ tôi cầm số tiền là 224.000.0000đ đưa cho anh S, anh T có nói là "*bảo với ông Sơn là 120.000.000đ tao lấy để đảo sổ ngân hàng còn 4.000.000đ tao tiê*u" anh đã đưa cho anh S số tiền này.

Anh Bùi Văn T2 trình bày: Anh làm trang trại chăn nuôi Trâu bò để bán cho các chủ đến mua, anh không nhớ chính xác thời gian chỉ khoảng năm ngoái, anh và anh T1 có trao đổi về việc mua bán trâu trước đó mấy ngày, sau đó khoảng ba bốn ngày thì anh T1 nhờ anh S và anh T đi đến nhà anh để lấy trâu còn anh T1 không trực tiếp xuống lấy, do anh T là lái xe nên anh trực tiếp giao dịch với anh S, anh S trực tiếp đưa tiền cho anh, do thời gian đã lâu nên anh không nhớ anh S đưa anh bao nhiêu tiền, do anh S đưa thiếu tiền nên mấy hôm sau anh T1 có chuyển khoản qua tài khoản Ngân hàng cho anh số tiền còn thiếu, anh xác định việc mua bán trâu làm hai đợt vận chuyển mỗi đợt cách nhau hôm trước và hôm sau, anh S và anh T

là người đến lấy trâu và việc thanh toán làm hai lần lần một anh S đưa tiền, lần anh T1 chuyển khoản.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Thế trình bày quan điểm:

Việc chấp hành pháp luật của Thẩm phán đã thực hiện đúng quy định của pháp luật như xác định đúng thẩm quyền giải quyết vụ án; xác định đúng tranh chấp; đúng tư cách tham gia tố tụng; xác minh thu thập chứng; thủ tục thụ lý vụ án; thời hạn chuẩn bị xét xử.

Tại phiên tòa Hội đồng xét xử, Thư ký tuân theo đúng quy định của pháp luật.

Việc tuân theo pháp luật của những người tham gia tố tụng

Nguyên đơn: Chấp hành đúng quy định tại Điều 70, Điều 71, Bộ luật tố tụng dân sự

Bị đơn: Chấp hành đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan không chấp hành đúng quy định bộ luật tố tụng dân sự

Về nội dung: Áp dụng khoản 2 Điều 26, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, Điều 271, Điều 273 BLTTDS, Điều 166 Bộ luật dân sự; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội:

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn buộc anh Nguyễn Xuân T chị Vương Thị H phải trả cho anh T1 số tiền 120.000.0000đ.

- Về án phí: Anh T, chị Hằng phải chịu 6.000.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, kết quả tranh tụng tại phiên tòa Tòa án nhân dân huyện Yên Thế nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Chị Vương Thị H, anh Bùi Phú S đã được Tòa án triệu tập lần thứ hai nhưng vắng mặt, do đó căn cứ Điều 227; Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự Hội đồng xét xử, xét xử vắng mặt anh S, chị H.

[2] Về nội dung: Tại phiên tòa nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện yêu cầu anh T, chị Hằng trả số tiền 120.000.000đ.

Tòa án thấy rằng căn cứ vào lời khai của các đương sự:

Anh T thừa nhận anh có trở Trâu từ nhà anh T2 ở Thanh Miện, Hải Dương bán trâu cho anh N và anh Đ ở Móng cái và có được nhận số tiền 348.000.000đ từ anh Nam. Anh xác định đã được nhận số tiền này và đã trả cho anh S số tiền 224.000.0000đ còn lại 4.000.000đ tiền cước vận chuyển và trừ vào số tiền anh S còn nợ anh là 120.000.000đ.

Lời khai của anh Bùi Văn T2 khẳng định anh và anh T1 trực tiếp trao đổi việc mua bán trâu và trực tiếp nhận tiền từ anh S một lần và anh T1 chuyển tiền một lần; anh Bùi Phú S khai anh chỉ làm thuê cho anh T1, anh làm nhiệm vụ xem trâu và áp tải hàng cho anh T1, toàn bộ số trâu mua của anh T2 là của anh T1. Do đó xác định toàn bộ số trâu anh T1 mua của anh Bùi Văn Thọ là tài sản của anh T1

không phải là của anh Bùi Phú S. Nên số tiền anh T còn giữ lại 120.000.000đ là tài sản của anh Nguyễn Văn T1 do đó yêu cầu của anh T1 buộc anh T phải trả lại số tiền này có căn cứ phù hợp với các quy định của pháp luật.

Việc vay mượn giữa anh Bùi Phú S và anh Nguyễn Xuân T không liên quan đến vụ án, được giải quyết khi đương sự có yêu cầu.

[3] Về trách nhiệm trả nợ: Tại phiên tòa bị đơn anh T khẳng định chị H vợ anh được biết và được sử dụng số tiền 120.000.000đ, mặt khác anh T chị H kết hôn hợp pháp kinh tế phát triển chung do đó cần buộc chị Hằng, anh T phải trả anh T1, chị Bẩy là phù hợp với Điều 27, Điều 37 Luật hôn nhân gia đình.

[4] Để đảm bảo quyền lợi của người được thi hành án cần áp dụng khoản 2 Điều 357 và Điều 468 Bộ luật dân sự,

[5] Về án phí: Yêu cầu của anh T1 có căn cứ nên không phải chịu án phí, anh T, chị Hằng phải chịu án phí theo quy định;

[6] Về quyền kháng cáo: các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH :

Áp dụng: Điều 164, Điều 166, khoản 2 Điều 357, Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 27, Điều 37 Luật hôn nhân gia đình; Khoản 3 Điều 26, Điều 35, Điều 143, Điều 144, Điều 147, Điều 271, Điều 273, Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 2, Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14; Điều 2 Luật thi hành án dân sự.

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Nguyễn Văn T1, buộc anh Nguyễn Xuân T và chị Vương Thị H phải trả cho anh Nguyễn Văn T1 và chị Nguyễn Thị B số tiền 120.000.000đ.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

Về án phí: Anh Nguyễn Xuân T, chị Vương Thị H phải chịu 6.000.000đ tiền án phí dân sự sơ thẩm. Anh Nguyễn Văn T1 không phải chịu án phí hoàn trả anh T1 số tiền án phí đã nộp là 3.000.000đ, biên lai thu số AA/2014/0004567 ngày 29/10/2019 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Yên Thế.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 7a, Điều 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Báo cho đương sự có mặt biết có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án, hoặc bản án được niêm yết theo thủ tục tố tụng dân sự.

Nơi nhận:
- VKSND huyện Yên Thế;
- Chi cục THADS huyện Yên Thế;
- Các đương sự;
- Lưu HS./.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phạm Hữu Luyện